

Market Today: Khối ngoại quay trở lại mua ròng mạnh

19/03/2019

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,006.59	110.06	57.10
% ngày	-0.52%	-0.74%	-0.56%
% tuần	0.53%	0.47%	0.94%
% tháng	4.38%	3.62%	3.37%
% năm	-13.17%	-17.93%	-6.56%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	5,734	773	453
TB 1 tuần	5,247	694	404
TB 1 tháng	4,758	643	367
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	943.21	14.00	25.88
Bán	752.98	23.43	28.54
Giá trị ròng	190.23	-9.42	-2.66
Độ rộng TT			
Mã Tăng	130	85	161
Mã Giảm	181	92	110
Không Đổi	74	205	584
Chỉ số chính			
P/E	17.21	10.33	17.68
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,320	206	1,022
LS Cổ tức	2.94%	4.07%	4.57%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

TTCK Châu Á sau phiên tăng điểm tích cực vừa qua thì các chỉ số trong phiên chịu sự điều chỉnh nhẹ. Các thị trường lớn đều chốt cuối phiên ở sắc đỏ như Nhật Bản, Trung Quốc, Taiwan, Hàn Quốc... Bên cạnh đó cũng có vài thị trường vẫn giữ được sắc xanh tuy nhiên mức tăng không lớn như Hongkong, Singapore, Thái Lan.

Nếu như phiên sáng nay ngày 19/03/2019, thị trường vẫn duy trì trạng thái khả quan, dòng tiền được đa dạng hóa vào nhiều ngành, lực đẩy của các mã có vốn hóa nhỏ giúp chỉ số VN-Index tăng 0.6% lên hơn 1012 điểm. Khi mở cửa phiên chiều, thị trường đã rung lắc mạnh, áp lực chốt lời của các nhà đầu tư tăng đã khiến cả 3 sàn chìm trong sắc đỏ. Chỉ số VN-Index giảm 0.52% xuống còn 1,006.59 điểm, còn chỉ số HNX-Index giảm 0.74% xuống còn 110.06 điểm và chỉ số Upcom-Index giảm 0.56% xuống còn 57.1 điểm. Điểm sáng là thanh khoản vẫn được duy trì ở mức cao, hơn 6,500 tỷ đồng được giao dịch trên cả 3 sàn.

Áp lực bán đã khiến sàn HSX giảm sâu qua ngưỡng 1,010-1,020 điểm như đã dự đoán. Hầu hết các mã thuộc VN30 đều giảm điểm, trong đó nhóm ngân hàng và dầu khí bị giảm điểm nhiều nhất. Ngược lại, SAB, CII, CTD, MSN, HDB, HPG và EIB cùng các mã có vốn hóa nhỏ như ATG, AGR, DIC, DTA, LAF lại tăng điểm, thậm chí là kéo lên giá trần với các mã nhỏ đã nâng đỡ được thị trường giảm sâu. Nhóm bất động sản cũng duy trì được trạng thái ổn định suốt cả phiên.

Về khối nhà đầu tư nước ngoài, lực mua ròng trở lại trên cả 3 sàn hơn 178 tỷ đã góp phần vào đà hỗ trợ cho thị trường không bị lùi sâu. Dòng tiền chủ yếu được đổ vào nhóm Bluechips sau lực chốt lời mạnh của khối nhà đầu tư trong nước như CTG, HPG, PLX, BVH, khối dầu khí, ngân hàng, nhóm cổ phiếu Viettel và Vingroup. Hoạt động bán ròng nhẹ trên HNX và UPCOM nhìn chung cũng không ảnh hưởng nhiều đến thị trường hôm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể tiếp tục bước vào giai đoạn biến động hẹp quanh mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index. Tuy nhiên, trường hợp nếu thị trường tăng với biên độ hơn 1% thì xu hướng tăng ngắn hạn sẽ rõ ràng hơn và thị trường sẽ cách xa hoàn toàn mức 1,000 điểm trong vài phiên tới. Điểm tiêu cực hiện nay là dòng tiền ngắn hạn tiếp tục suy yếu và tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy nhà đầu tư vẫn đang tỏ ra thận trọng với xu hướng hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 1,001.32 điểm của chỉ số VN-Index và 108.65 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục và cơ cấu lại danh mục để giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị, vị thế nắm giữ nên ưu tiên cho nhóm cổ phiếu Largecaps.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 64% cổ phiếu/36% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	815	835	786	769

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16,000	GIẢM	GIẢM		17,053				16,605		
ACB	31,300	TĂNG	GIẢM	30,200	30,766	3.64%			33,291		
ACV	88,000	GIẢM	TĂNG		90,312			90,000	79,578	-2.22%	
ANV	26,900	GIẢM	GIẢM		27,872				31,024		
ASM	8,000	GIẢM	GIẢM		8,122				9,351		
BFC	25,100	TĂNG	TĂNG	22,600	21,880	11.06%			24,499		
BID	36,600	TĂNG	TĂNG	34,600	35,246	5.78%		33,400	29,888	9.58%	
BMP	51,200	GIẢM	GIẢM	50,800	51,474	1.33%	BÁN		54,542		
BSR	13,700	GIẢM	GIẢM	13,100	13,766	5.08%	BÁN		15,250		
BVH	95,300	TĂNG	TĂNG	94,400	93,088	0.95%		86,000	88,082	10.81%	
BWE	27,600	TĂNG	TĂNG	25,700	25,694	7.39%		20,000	22,634	38.00%	
CEO	12,900	GIẢM	GIẢM		14,068				14,755		
CHP	22,500	GIẢM	TĂNG		23,186			23,000	20,849	-2.17%	
CII	24,900	TĂNG	GIẢM	24,550	23,306	1.43%			25,832		
CMX	22,350	TĂNG	TĂNG	17,600	18,222	26.99%		5,910	13,022	278.17%	
CSM	15,400	TĂNG	TĂNG	15,600	15,068	-1.28%		14,390	13,911	7.02%	
CTD	142,300	TĂNG	GIẢM	141,100	136,879	0.85%			152,115		
CTG	23,100	TĂNG	TĂNG	19,550	22,017	18.16%		22,700	22,209	1.76%	MUA
CTI	25,200	TĂNG	TĂNG	25,900	24,268	-2.70%		26,850	23,186	-6.15%	
CTR	28,100	TĂNG	TĂNG	20,300	22,692	38.42%			3,703		
CVT	25,850	TĂNG	TĂNG	19,900	24,506	29.90%		22,550	20,983	14.63%	
DCM	9,400	TĂNG	GIẢM	9,200	9,113	2.17%			9,978		
DGC	42,400	GIẢM	GIẢM		44,744				47,020		
DGW	23,800	TĂNG	GIẢM	23,900	22,645	-0.42%			25,127		
DHA	35,300	TĂNG	TĂNG	32,250	33,501	9.46%		29,100	30,022	21.31%	
DHC	34,400	TĂNG	TĂNG	32,700	32,821	5.20%		35,200	29,262	-2.27%	
DHG	117,000	TĂNG	TĂNG	77,500	113,277	50.97%		93,000	104,745	25.81%	
DIG	16,150	TĂNG	TĂNG	16,000	15,924	0.94%		16,250	14,410	-0.62%	
DPG	54,000	TĂNG	TĂNG	46,800	49,740	15.38%			52,441		
DPM	20,050	GIẢM	TĂNG		21,177			19,400	19,804	3.35%	
DPR	40,500	TĂNG	TĂNG	32,600	39,780	24.23%		35,950	36,910	12.66%	
DQC	28,400	TĂNG	TĂNG	27,700	28,063	2.53%		31,000	26,186	-8.39%	
DRC	23,700	TĂNG	GIẢM	22,200	23,126	6.76%		24,400	24,379	-0.09%	MUA
DXG	23,500	GIẢM	GIẢM		25,656				26,665		
EIB	17,600	TĂNG	TĂNG	17,800	16,743	-1.12%		14,700	16,280	19.73%	
FCN	15,200	TĂNG	GIẢM	13,900	14,955	9.35%			15,658		
FMC	28,750	GIẢM	TĂNG		29,781			24,700	27,888	16.40%	
FPT	45,700	TĂNG	TĂNG	46,500	45,025	-1.72%		46,000	45,324	-0.65%	MUA
GAS	103,500	TĂNG	TĂNG	89,900	98,771	15.13%		101,000	88,998	2.48%	
GEX	23,300	GIẢM	TĂNG		24,227			24,700	21,615	-5.67%	

We Create Fortune

GIL	39,900	GIẢM	TĂNG		40,745			39,000	35,350	2.31%	
GMD	27,850	TĂNG	GIẢM	27,500	27,737	1.27%			29,123		
GTN	20,050	TĂNG	TĂNG	10,400	17,289	92.79%		15,000	13,092	33.67%	
HAG	5,550	GIẢM	TĂNG		6,038			5,650	5,152	-1.77%	
HAX	17,900	TĂNG	GIẢM	17,200	17,128	4.07%			17,965		
HBC	19,950	TĂNG	TĂNG	16,800	19,873	18.75%		20,250	17,300	-1.48%	
HCM	30,500	TĂNG	TĂNG	31,000	29,356	-1.61%		28,000	24,893	8.93%	
HDB	31,900	TĂNG	GIẢM	31,000	30,829	2.90%			33,267		
HDC	16,100	TĂNG	TĂNG	15,300	15,279	5.23%		16,000	14,709	0.63%	MUA
HDG	43,650	TĂNG	TĂNG	35,950	41,251	21.42%		37,400	36,313	16.71%	
HNG	15,000	GIẢM	GIẢM		15,668				16,554		
HPG	31,900	GIẢM	TĂNG		33,569			33,900	29,668	-5.90%	
HSG	9,110	GIẢM	TĂNG		10,071			9,300	7,576	-2.04%	
HT1	15,750	TĂNG	TĂNG	14,150	15,490	11.31%		14,800	14,082	6.42%	
HUT	4,100	TĂNG	GIẢM	3,800	3,870	7.89%			4,302		
HVN	42,200	TĂNG	TĂNG	42,900	40,457	-1.63%		39,000	35,892	8.21%	
KBC	15,500	TĂNG	TĂNG	14,250	14,804	8.77%		13,450	13,485	15.24%	
KDH	31,500	GIẢM	TĂNG		31,751			33,000	28,451	-4.55%	
KSB	28,300	GIẢM	TĂNG	26,300	28,335	7.74%	BÁN	28,900	25,420	-2.08%	
LCG	11,250	TĂNG	TĂNG	8,230	10,137	36.70%		9,200	9,326	22.28%	
LDG	14,000	TĂNG	GIẢM	14,950	13,862	-6.35%			16,826		
LHG	21,850	TĂNG	TĂNG	20,550	21,317	6.33%		22,250	20,947	-1.80%	MUA
LPB	9,500	TĂNG	GIẢM	9,100	9,149	4.40%			9,825		
LSS	6,060	GIẢM	GIẢM		6,257				6,879		
MBB	22,650	TĂNG	TĂNG	22,550	21,918	0.44%		21,850	19,807	3.66%	
MPC	45,600	GIẢM	TĂNG		46,949			47,500	39,995	-4.00%	
MSN	87,000	GIẢM	TĂNG		89,947			89,000	80,017	-2.25%	
MSR	22,000	TĂNG	TĂNG	20,900	20,374	5.26%		21,100	20,804	4.27%	MUA
MWG	89,100	GIẢM	GIẢM		89,775				92,376		
NDN	13,900	TĂNG	TĂNG	12,500	13,215	11.20%		13,700	13,356	1.46%	MUA
NKG	7,240	GIẢM	GIẢM		7,658				7,821		
NLG	27,700	TĂNG	GIẢM	26,100	27,034	6.13%			28,488		
NT2	27,100	GIẢM	TĂNG		29,659			25,900	26,915	4.63%	
NTL	17,700	GIẢM	TĂNG		18,868			10,450	16,285	69.38%	
NVL	58,400	GIẢM	GIẢM	62,500	58,538	-6.34%	BÁN		63,950		
OIL	14,300	GIẢM	GIẢM		14,997				16,188		
PAC	38,700	TĂNG	GIẢM	38,000	37,250	1.84%			40,367		
PC1	24,800	TĂNG	GIẢM	24,550	23,810	1.02%			25,195		
PDR	28,400	TĂNG	TĂNG	26,150	27,518	8.60%		29,000	27,684	-2.07%	MUA
PHR	53,000	TĂNG	TĂNG	29,300	47,088	80.89%		24,000	40,031	120.83%	
PLX	62,100	TĂNG	TĂNG	60,400	59,608	2.81%		62,400	60,986	-0.48%	MUA
PNJ	102,300	TĂNG	TĂNG	102,000	100,527	0.29%		104,000	101,983	-1.63%	MUA
POW	15,550	GIẢM	TĂNG		16,811			16,550	14,933	-6.04%	
PPC	24,200	GIẢM	TĂNG	18,550	24,410	31.59%	BÁN	19,700	21,317	22.84%	
PTB	62,200	TĂNG	TĂNG	60,200	61,802	3.32%		64,000	57,076	-2.81%	
PVD	18,900	TĂNG	TĂNG	15,500	17,877	21.94%		18,500	15,657	2.16%	



We Create Fortune

PVI	36,300	TĂNG	TĂNG	32,900	34,865	10.33%		33,000	31,969	10.00%	
PVS	22,100	TĂNG	TĂNG	18,900	20,848	16.93%		21,100	18,765	4.74%	
PXS	4,650	TĂNG	GIẢM	4,280	4,565	8.64%			4,840		
QNS	42,900	GIẢM	TĂNG		45,152			41,500	3,543	3.37%	
REE	32,800	GIẢM	TĂNG	34,500	33,292	-3.50%	BÁN	35,100	30,697	-6.55%	
SAB	248,000	TĂNG	TĂNG	252,000	242,205	-1.59%		245,000	227,704	1.22%	
SAM	7,450	TĂNG	TĂNG	7,090	7,302	5.08%		7,400	6,786	0.68%	
SCR	7,600	GIẢM	GIẢM		7,918				8,128		
SHI	8,410	GIẢM	TĂNG		8,656			6,990	7,199	20.31%	
SJS	23,850	TĂNG	TĂNG	18,800	22,390	26.86%		18,100	18,742	31.77%	
SKG	15,400	TĂNG	GIẢM	15,400	14,819	0.00%			17,149		
SSI	28,900	TĂNG	GIẢM	26,900	28,388	7.43%		29,500	29,029	-1.60%	MUA
STB	12,700	GIẢM	TĂNG		13,075			13,000	11,486	-2.31%	
TCB	26,750	GIẢM	GIẢM		27,296				N/A		
TCM	32,200	TĂNG	TĂNG	24,350	31,318	32.24%		28,000	26,902	15.00%	
TDH	12,450	TĂNG	TĂNG	10,300	11,427	20.87%		11,650	10,493	6.87%	
TLH	5,460	TĂNG	GIẢM	5,000	5,144	9.20%			5,686		
TNG	22,900	TĂNG	TĂNG	18,000	21,959	27.22%		12,000	18,549	90.83%	
VCB	66,800	TĂNG	TĂNG	64,800	64,355	3.09%		62,000	57,057	7.74%	
VCG	28,700	TĂNG	TĂNG	25,100	27,417	14.34%		19,200	22,974	49.48%	
VGC	21,500	TĂNG	TĂNG	16,300	20,558	31.90%		19,100	18,932	12.57%	
VGT	13,300	TĂNG	TĂNG	11,600	12,118	14.66%			13,091		
VHC	90,300	GIẢM	GIẢM		96,235				105,200		
VHM	94,000	GIẢM	TĂNG		95,528			80,000	80,458	17.50%	
VIB	19,500	TĂNG	GIẢM	18,000	18,896	8.33%		19,700	19,666	-0.17%	MUA
VIC	121,000	TĂNG	TĂNG	109,100	115,597	10.91%		112,000	107,365	8.04%	
VIP	6,700	TĂNG	TĂNG	7,000	6,546	-4.29%		7,350	6,276	-8.84%	
VJC	119,800	GIẢM	GIẢM		122,426				130,367		
VND	17,300	GIẢM	GIẢM	16,800	17,423	3.71%	BÁN		18,694		
VNG	22,900	TĂNG	TĂNG	18,301	22,384	25.13%		16,008	20,443	43.06%	
VNM	136,900	GIẢM	TĂNG		142,653			140,200	132,859	-2.35%	
VPB	21,900	TĂNG	GIẢM	20,200	21,256	8.42%			22,887		
VPI	41,200	GIẢM	GIẢM		41,972				43,124		
VRC	17,400	TĂNG	GIẢM	18,400	17,325	-5.43%			19,388		
VRE	37,700	TĂNG	TĂNG	30,400	36,461	24.01%		35,000	29,802	7.71%	
VSC	43,300	TĂNG	GIẢM	42,700	43,004	1.41%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,006.59	-0.52%
VN30	927.56	-0.56%
VN Mid	1,018.95	-0.80%
VN Small	844.40	-0.13%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	110.06	-0.74%
HN30	201.73	-0.18%
VNX AllSh	904.00	-0.56%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.10	-0.56%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	943.21	
Bán	752.98	
GT rỗng	190.23	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	14.00	
Bán	23.43	
GT rỗng	-9.42	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	25.88	
Bán	28.54	
GT rỗng	-2.66	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AGR	260	6.86%
TTF	250	6.85%
PDN	5100	6.71%
TDC	530	6.49%
HRC	2200	6.23%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVX	100	6.67%
DBC	1200	5.22%
BCC	300	3.85%
PVS	400	1.84%
NDN	200	1.46%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTR	2600	10.20%
PRT	1300	8.72%
GEG	1600	8.47%
C4G	600	6.90%
VGG	3800	5.92%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-7700	-6.97%
D2D	-6000	-5.77%
QCG	-290	-5.18%
GMC	-2200	-4.44%
PPC	-1100	-4.35%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	-300	-3.33%
TVC	-400	-3.08%
HUT	-100	-2.38%
ACB	-600	-1.88%
TNG	-400	-1.72%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ILS	-1700	-10.49%
GVR	-700	-5.98%
VGI	-1600	-5.93%
SDI	-3700	-5.47%
VEF	-4500	-3.44%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	387,144	
VHM	315,859	
VCB	250,720	
VNM	240,314	
GAS	199,051	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,785	
VCG	12,810	
PVS	10,372	
VCS	10,114	
SHB	9,625	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	190,301	
VEA	67,508	
HVN	61,198	
VGI	60,628	
MCH	59,715	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
FLC	10,620,190	10,850,967
GTN	7,893,490	4,282,136
CTG	7,589,460	7,393,888
HPG	7,535,900	6,736,735
ROS	7,240,630	5,171,633

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	10,002,975	8,453,841
PVS	6,243,024	4,041,857
PVX	4,552,781	2,596,916
ART	4,471,755	2,401,384
VGC	4,389,311	5,078,925

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,544,226	1,848,932
PRT	2,204,500	111,985
PFL	1,763,802	172,003
VGJ	1,721,540	1,109,604
VGI	1,598,870	589,664

Nguồn: Bloomberg & YSVN

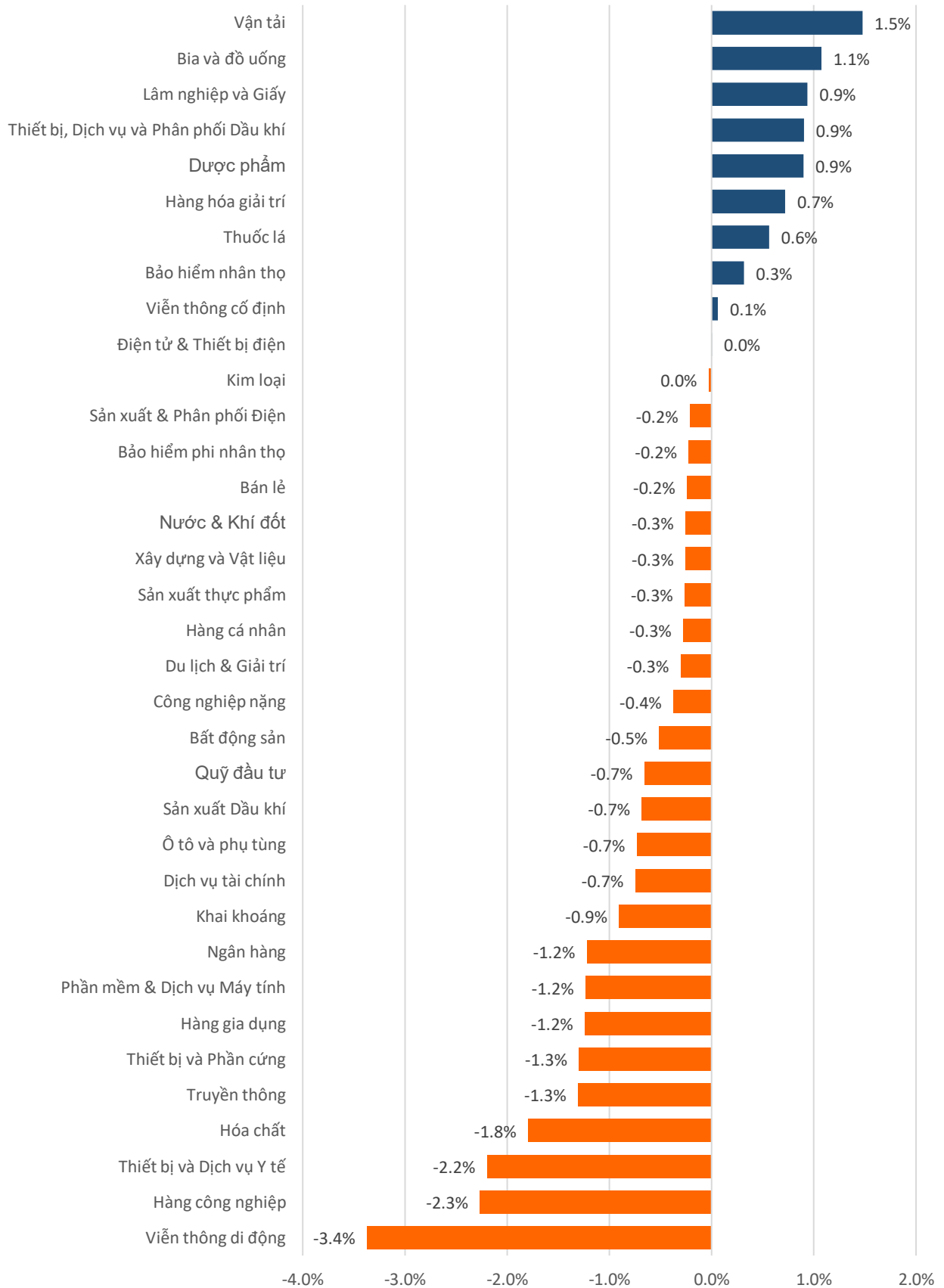
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



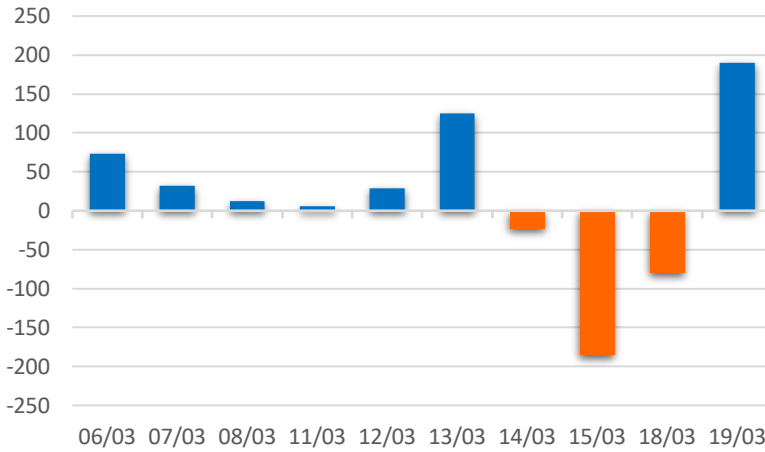
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

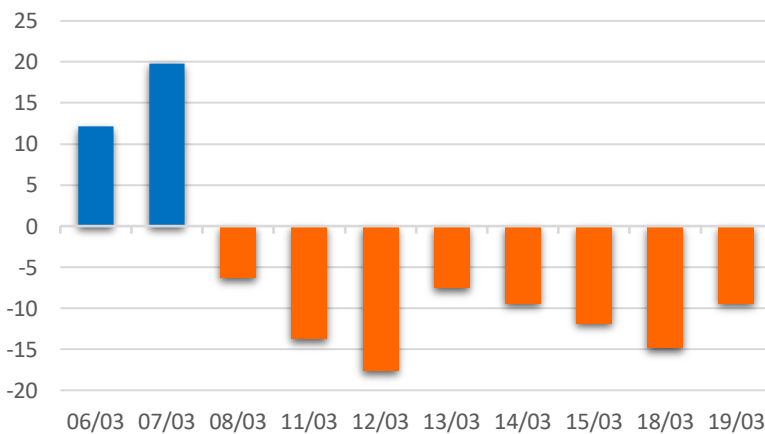
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CTG	69,738	VNM	42,122
HPG	62,579	HBC	27,264
PLX	48,052	FLC	24,546
VIC	45,072	DHG	22,257
CII	29,549	BID	16,806

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

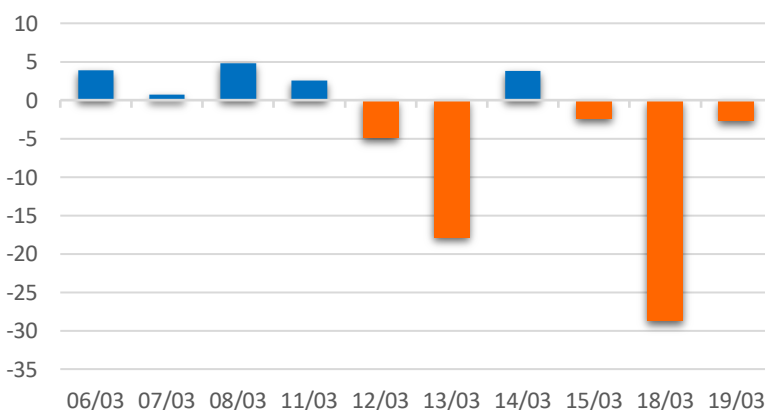
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	4,739	SHB	11,873
BCC	1,231	VGC	2,737
ART	669	VMC	1,022
DGC	484	NTP	531
VIX	235	S55	333

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	4,402	BSR	9,921
VEA	4,230	ACV	3,665
NTC	2,915	KDF	1,134
GEG	1,035	VGG	564
VTP	913	VGI	528

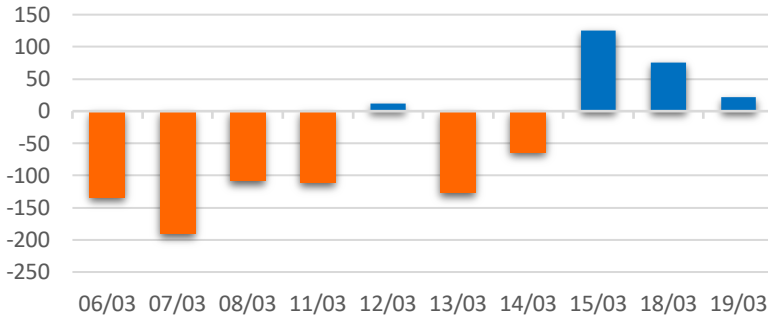
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

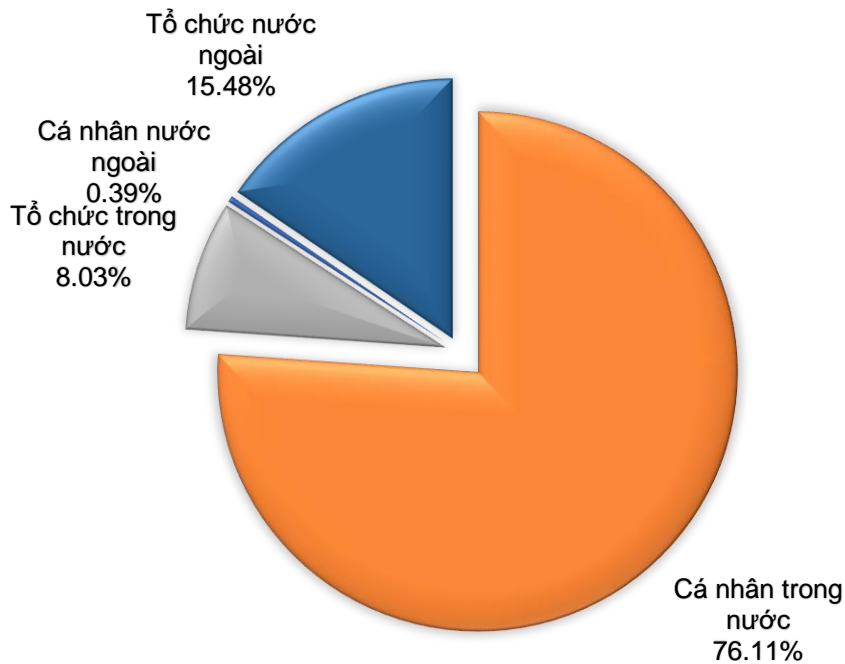
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
HPG	21,670	E1VFN30	21,110
DHG	16,462	TCB	9,357
MBB	11,928	MWG	9,320
VHM	9,842	IMP	6,885
VNM	4,128	CTG	4,647

Top 5 các mã đặt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

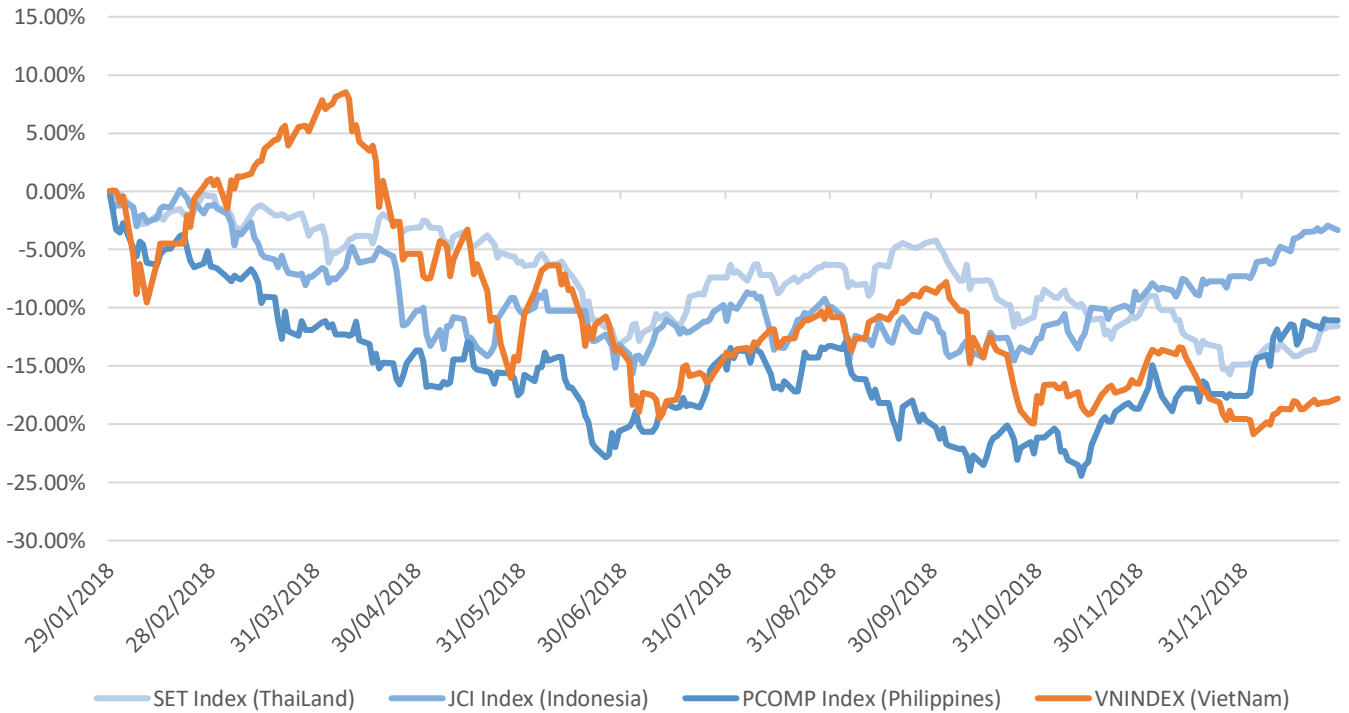


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

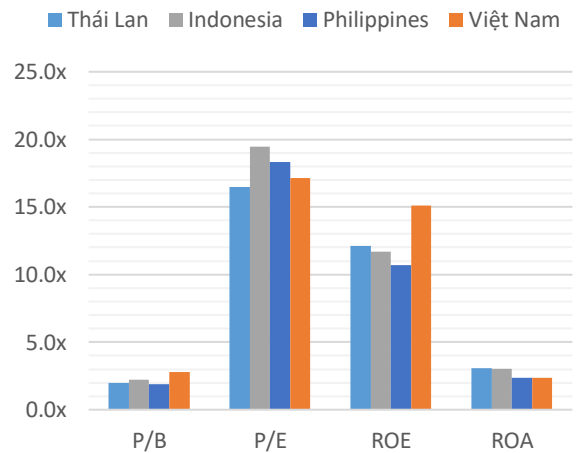
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written